



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THÁNG 8

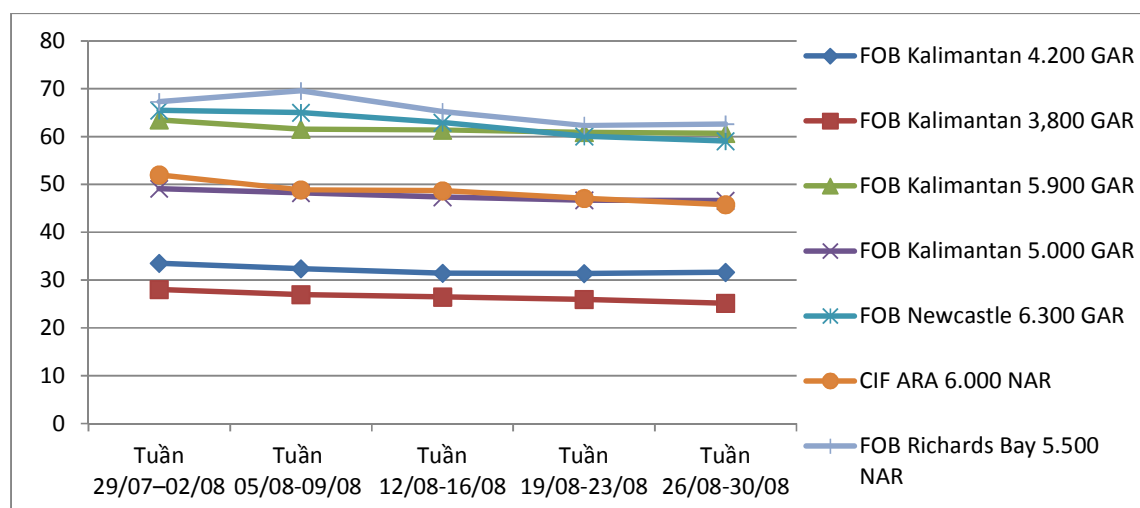
(Từ 01/08 – 31/08/2019)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 29/07– 02/08	Tuần 05/08– 09/08	Tuần 12/08– 16/08	Tuần 19/08– 23/08	Tuần 26/08– 30/08
FOB Kalimantan 4,200 GAR	33,53	32,41	31,46	31,40	31,63
FOB Kalimantan 3,800 GAR	28,07	26,97	26,46	25,98	25,15
FOB Kalimantan 5,900 GAR	63,5	61,55	61,35	60,90	60,70
FOB Kalimantan 5,000 GAR	49,1	48,24	47,38	46,72	46,58
FOB Newcastle 6,300 GAR	65,45	65,05	62,92	60,07	59,06
FOB Richards Bay 5,500 NAR	51,98	48,83	48,66	47,10	45,75
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	67,30	69,54	65,22	62,31	62,64



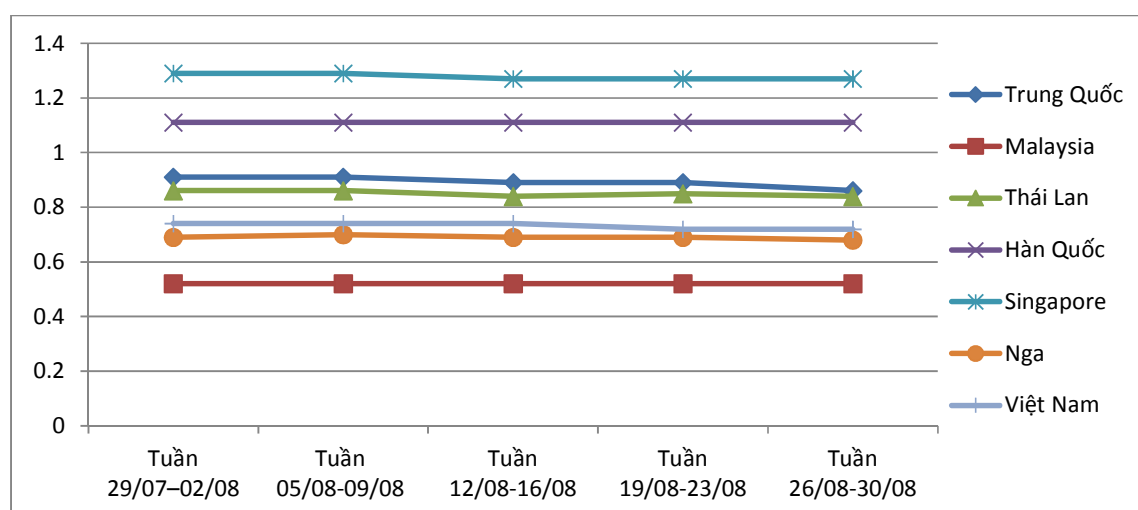
Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực trong tháng 8 (2019)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. GIÁ DẦU DO KHU VỰC

Đơn vị: USD/lít

Chỉ số giá dầu DO quốc tế	Tuần 29/07-02/08	Tuần 05/08-09/08	Tuần 12/08-16/08	Tuần 19/08-23/08	Tuần 26/08-30/08
Trung Quốc	0,91	0,91	0,89	0,89	0,86
Malaysia	0,52	0,52	0,52	0,52	0,52
Thái Lan	0,86	0,86	0,84	0,85	0,84
Hàn Quốc	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11
Singapore	1,29	1,29	1,27	1,27	1,27
Nga	0,69	0,7	0,69	0,69	0,68
Việt Nam	0,74	0,74	0,74	0,72	0,72



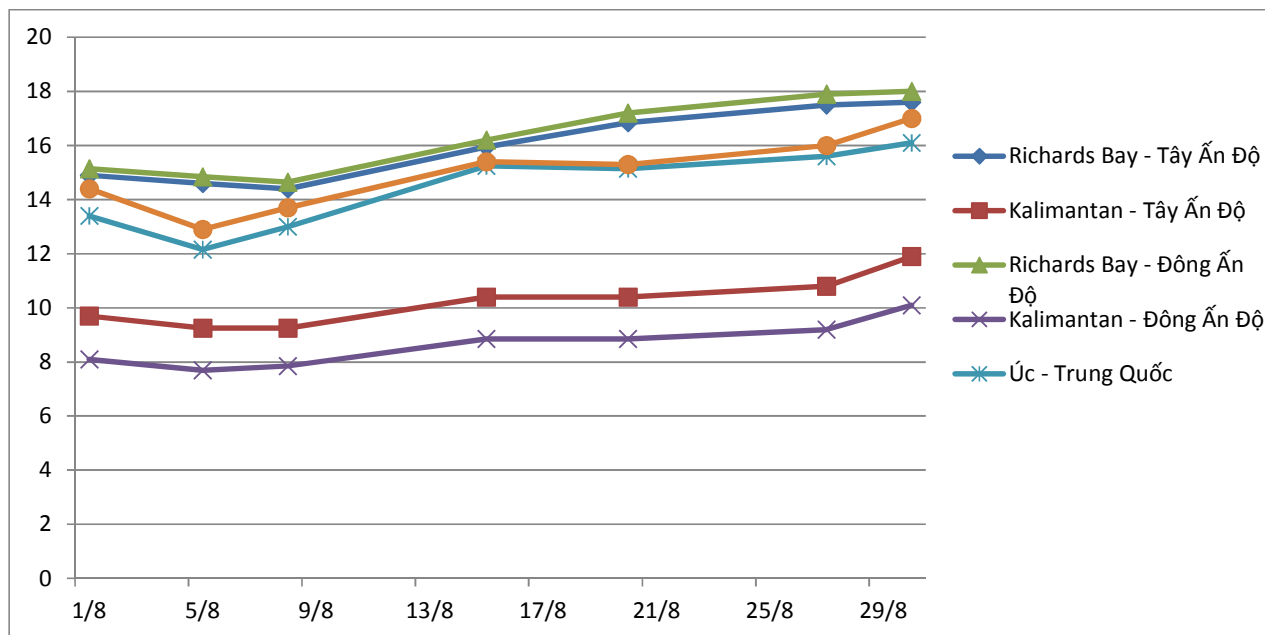
Biểu đồ 2: Giá dầu DO trung bình khu vực trong tháng 8 (2019)

(Nguồn: <https://www.globalpetrolprices.com>)

3. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

Cước vận tải tháng 8	01/08	05/08	08/08	15/08	20/08	27/08	30/08
Tàu Capesize (150.000 tấn)							
1 Úc – Trung Quốc	11,65	11,80	10,90	12,80	11,75	12,95	12,75
2 Queensland – Nhật Bản	13,40	13,55	12,45	14,75	13,45	14,90	14,70
3 New South Wales – Hàn Quốc	14,40	14,55	13,45	15,75	14,45	15,90	15,70
Tàu Panamax (70.000 tấn)							
1 Richards Bay - Tây Ấn Độ	14,90	14,60	14,40	15,95	16,85	17,50	17,60
2 Kalimantan - Tây Ấn Độ	9,70	9,25	9,25	10,40	10,40	10,80	11,90
3 Richards Bay - Đông Ấn Độ	15,15	14,85	14,65	16,20	17,20	17,90	18,00
4 Kalimantan - Đông Ấn Độ	8,10	7,70	7,85	8,85	8,85	9,20	10,10
5 Úc - Trung Quốc	13,40	12,15	13,00	15,25	15,15	15,60	16,10
6 Úc - Ấn Độ	14,40	12,90	13,70	15,40	15,30	16,00	17,00



Biểu đồ 3: Giá cước vận tải quốc tế tháng 8 (2019)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Xuất khẩu than của Indonesia tăng mạnh trong tháng 5; Trung Quốc là động lực chính

Indonesia đã xuất khẩu 30,6 triệu tấn than trong tháng 5, tăng 6% so với tháng 4 và tăng 20% so với tháng 5 năm trước, theo dữ liệu hải quan. Than sub-bitum chiếm 86% lượng than xuất khẩu, tương đương 26,4 triệu tấn, còn lại là than bitum. Ấn Độ khách hàng lớn nhất trong tháng, chiếm 10,3 triệu tấn, giảm 8% so với tháng 4, nhưng tăng 3% so với cùng kỳ năm 2018. Lượng than nội địa dự trữ cao và tình hình thời tiết bất lợi đã ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu than trong tháng 5 của khách hàng Ấn Độ. Khối lượng xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 7,2 triệu tấn trong tháng 5, mức cao nhất kể từ tháng 1 năm 2014. Con số này tăng 57% so với tháng 4 và tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Việc Trung Quốc bắt đầu dự trữ than cho mùa hè sớm hơn mọi năm và khách hàng nước này tích cực mua than Indonesia nhiệt trị thấp đến trung bình tạo ra ảnh hưởng tích cực đến nhu cầu và giá than vận chuyển đường biển. Cùng với việc giảm thuế giá trị gia tăng từ 16% xuống 13%, lượng than xuất khẩu sang Trung Quốc đã tăng vọt lên mức cao nhất trong vòng năm năm. Ngoài các thị trường chính này, lượng than xuất khẩu sang các nước khác đạt 8,5 triệu tấn, bao gồm các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Thái Lan, Philippines, Việt Nam và Malaysia.

Tình hình xuất khẩu than trong tháng 5 của Indonesia

Điểm đến	Khối lượng (triệu tấn)	Thay đổi theo tháng (%)	Thay đổi theo năm (%)
Ấn Độ	10.322.989	-8	3
Trung Quốc	7.163.146	57	126
Hàn Quốc	1.768.421	-6	-24
Đài Loan	1.687.676	16	5
Nhật Bản	1.228.633	5	22
Các nước khác	8.476.517	-0,6	15
Tổng	30.647.382	6	20

(Nguồn: S&P Global Platts)

Khối lượng than nhập khẩu trong tháng 7 của Việt Nam cao kỷ lục

Việt Nam đã nhập khẩu 4,29 triệu tấn than trong tháng 7, trong đó phần lớn là than nhiệt và than cốc, tăng 170,7% so với cùng kỳ năm 2018, theo dữ liệu sơ bộ của Tổng cục Hải quan, đây cũng là mức nhập khẩu than cao nhất từ trước đến nay. EVN trong tháng 7 cho biết đã thu mua tối đa sản lượng điện từ các NMNĐ trong nửa đầu năm để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng. Giá trị than nhập khẩu trong tháng 7 đạt 360,5 triệu USD, tăng 109,1% so với cùng kỳ năm trước. Úc là nhà cung cấp lớn nhất trong tháng với 1,48 triệu tấn, tăng 4,8 lần so với năm ngoái, tiếp theo là Indonesia với 1,32 triệu tấn, tăng 75,4% so với năm ngoái và Nga với 753.264 tấn, tăng 159,45% so với năm ngoái.

Trong bảy tháng đầu năm, Việt Nam đã nhập khẩu 24,78 triệu tấn than, tăng 108,75% so với năm trước, chủ yếu từ Indonesia, Úc và Nga. Khối lượng than nhập khẩu trong giai đoạn này trị giá 2,34 tỷ USD, tăng 69,5% so với năm 2018. Trong khi đó, Việt Nam đã xuất khẩu 58.503 tấn than, chủ yếu là than antraxit, trong tháng 7, giảm 77,2% so với năm ngoái, chủ yếu sang Malaysia và Hàn Quốc. Trong bảy tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất khẩu 460.032 tấn than, giảm 67,2% so với năm trước, chủ yếu sang Nhật Bản, Hàn Quốc và Thái Lan. Giá trị than xuất khẩu trong giai đoạn này đạt 71,8 triệu USD, giảm 62,2% so với năm trước.

Ngân hàng Quốc gia Úc dự báo giá than nhiệt Newcastle phục hồi chậm

Theo báo cáo Triển vọng Khoáng sản và Năng lượng hàng tháng của ngân hàng Quốc gia Úc, giá than nhiệt sẽ tăng trưởng ổn định đến quý III năm 2020 sau khi sụt giảm trong quý hiện tại, tuy nhiên giá không thể phục hồi bằng với thời điểm đầu năm 2019. Ngân hàng Úc dự kiến giá than 6.000 kcal/kg NAR điều kiện FOB Newcastle đạt trung bình 68 USD/tấn trong quý này, giảm từ 78 USD/tấn trong quý trước, sau đó sẽ tăng dần lên mức trung bình 78 USD/tấn trong quý III năm sau. Tiếp theo giá sẽ giảm xuống quanh mức 70 USD/tấn FOB Newcastle trong quý IV 2021.

Theo báo cáo: “Hiện chưa rõ mức hạn ngạch mà Trung Quốc sẽ áp dụng lên than nhập khẩu (để giới hạn tổng khối lượng cả năm là 281,5 triệu tấn, tương đương với năm 2018) do yếu tố này sẽ dẫn đến tình trạng tiêu thụ than chậm chạp trong phần còn lại của năm nay”. Ngoài ra Ấn Độ có kế hoạch cắt giảm nhập khẩu than ít nhất một phần ba trong năm năm tới, điều này cũng sẽ làm giảm đáng kể nhu cầu toàn của toàn thế giới trong giai đoạn này. Bất chấp dự báo tăng giá trong các quý tới, giá dự kiến sẽ vẫn thấp hơn nhiều mức 95 USD/tấn FOB Newcastle. Ngoài ra, giá than nhiệt cả năm 2020 dự kiến sẽ đạt 76 USD/tấn, giảm từ mức 79 USD/tấn vào năm 2019.

(Nguồn: Platts Coal Trader International)